

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2018/HS-PT
Ngày 26 – 4 – 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Nguyễn Phin;

Các Thẩm phán: Ông Lê Xuân Sơn;

Ông Lộc Sơn Thái;

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Thế Ngọc – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Lạng Sơn;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:

Bà Lương Thị Hoà - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 24/2018/TLPT-HS ngày 02 tháng 3 năm 2018 đối với bị cáo Nông Văn T do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 03/2018/HS-ST ngày 23 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn.

- Bị cáo có kháng cáo:

Nông Văn T, sinh ngày 11 tháng 8 năm 1978 huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn B, xã Q, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn; dân tộc: Nùng; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá: 6/12; con ông Nông Văn T2 và bà Nông Thị P; có vợ là Bé Thị Đ; có 02 con; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc xử lý kỷ luật.

Bị cáo đang bị tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Đ từ ngày 24/8/2017 đến nay; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ 20 phút, ngày 24/8/2017, tại khu vực dốc K thuộc thôn N, xã Q, huyện Đ tổ kiểm soát cơ động Đoàn Biên phòng P – Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Lạng Sơn đang làm nhiệm vụ phát hiện Nông Văn T và Đinh Văn T3 đi

trên một chiếc xe mô tô không gắn biển kiểm soát có biểu hiện nghi vấn, tiến hành kiểm tra phát hiện và thu giữ được trong túi quần bên phải của Nông Văn T đang mặc 01 gói ni lon màu trắng bên trong có gói giấy in chữ Trung Quốc chứa 02 cục chất bột màu trắng; 01 điện thoại di động; 01 xi lanh bằng nhựa; 01 bật lửa ga và 01 lọ nước cất. T khai nhận gói chất một màu trắng là chất ma túy Heroine mua tại Trung Quốc đem về mục đích để sử dụng phục vụ cho bản thân. Còn Đinh Văn T3, qua kiểm tra tạm giữ 01 điện thoại di động và 01 xe mô tô không gắn biển kiểm soát.

Tại bản Kết luận giám định số: 320/KL-PC54, ngày 26/8/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn kết luận: Cục chất bột màu trắng có trong gói giấy thu giữ được của Nông Văn T là chất ma túy Heroine có tổng trọng lượng 0,145 gam.

Tại cơ quan điều tra, Nông Văn T khai nhận: Số ma túy bị thu giữ có được là vào khoảng 15 giờ, ngày 24/8/2017, Nông Văn T cùng Đinh Văn T3 đi đến cửa khẩu L, huyện H, tỉnh Cao Bằng lấy tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam đổi lấy mỗi người 50 Nhân dân tệ và đi qua đường mòn sang Trung Quốc. Khi đến bản R – K2 – L2 – Q2 – Trung Quốc, Nông Văn T gọi điện cho một người đàn ông Trung Quốc tên là C lấy ma túy ra bán, Nông Văn T và Đinh Văn T3 mỗi người mua 01 gói với giá 50 đồng Nhân dân tệ và quay về Việt Nam. Trên đường về, Đinh Văn T3 đã sử dụng hết số ma túy mua được, còn Nông Văn T đã xẻ ra một ít sử dụng, số còn lại mang về mục đích để sử dụng thì bị bắt quả tang. Qua điều tra đã chứng minh được, trước đó Nông Văn T ngoài mua chất ma túy về để phục vụ cho bản thân nghiện chất ma túy, còn bán trái phép ma túy nhiều lần cho rất nhiều người nghiện chất ma túy. Cụ thể như sau:

- Bán cho Nông Văn T4 và Vương Văn C2 rất nhiều lần nhưng không nhớ thời gian cụ thể, chỉ nhớ 02 lần gần đây nhất:

+ Lần 1: Khoảng 20 giờ, ngày 16/8/2017 tại nhà của Nông Văn T, bán cho Nông Văn T4 và Vương Văn C2 01 gói ma túy với giá 100.000 đồng (Nông Văn T4 và Vương Văn C2 góp mỗi người 50.000 đồng), khi mua được chất ma túy, Nông Văn T4 và Vương Văn C2 lấy vào trong bếp của gia đình Nông Văn T chia nhau sử dụng, Nông Văn T nhìn thấy và đồng ý cho sử dụng.

+ Lần 2: Khoảng 21 giờ, ngày 22/8/2017, Nông Văn T4 gọi điện cho Nông Văn T để mua ma túy, do Nông Văn T không ở nhà nên đã bảo Nông Văn T4 còn 01 gói ma túy cất dưới tấm ván trong buồng, Nông Văn T4 đến tìm và lấy rồi đưa cho vợ của Nông Văn T là Bé Thị Đ 100.000 đồng (Nông Văn T4 và Vương Văn C2 mỗi người góp 50.000 đồng). Khi đưa tiền Nông Văn T4 không nói cho Bé Thị Đ biết là tiền mua chất ma túy với Nông Văn T.

- Khoảng 19 giờ giữa tháng 7 năm 2017 (không nhớ ngày cụ thể), tại nhà Nông Văn T bán cho Nông Văn T4 và Đinh Văn T3 02 gói chất ma túy với giá 200.000 đồng, mua được ma túy Nông Văn T4 và Đinh Văn T3 mỗi người cầm 01 gói rồi vào bếp nhà Nông Văn T sử dụng và được Nông Văn T đồng ý cho sử dụng.

Với nội dung vụ án như trên: Tại Bản án số 03/2018/HS-ST ngày 23/01/2018 của Toà án nhân dân huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn đã quyết định:

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015; Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 194; điểm b, d khoản 2 Điều 198 của Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009 và điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 55; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Tuyên bố bị cáo Nông Văn T phạm các tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy”.

Xử phạt bị cáo Nông Văn T 01 (một) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, 07 (bảy) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, 07 (bảy) năm tù về tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy”. Tổng hợp hình phạt chung bị cáo Nông Văn T phải chịu là **15 (mười lăm) năm tù**, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam là ngày 24 tháng 8 năm 2017.

Trong thời hạn luật định ngày 06/02/2018, bị cáo Nông Văn T có đơn kháng cáo cho rằng không được chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy.

Tại phiên toà phúc thẩm, bị cáo Nông Văn T có bổ sung nội dung kháng cáo kêu oan về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”

Kiểm sát viên tại phiên toà trình bày quan điểm giải quyết vụ án: Đơn kháng cáo của bị cáo làm trong hạn luật định là hợp lệ.

Về nội dung kháng cáo bị cáo kêu oan cho rằng không có hành vi chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy. Tuy nhiên, qua các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện tại bản tự khai của bị cáo, lời khai của các đối tượng nghiện ma túy là Nông Văn T4, Đinh Văn T3, Vương Văn C2 đều thừa nhận sau khi mua ma túy đã sử dụng nhà bếp của bị cáo, có lúc hỏi bị cáo cho sử dụng, có lúc không hỏi nhưng bị cáo nhìn thấy mà không có ý kiến gì. Tại Biên bản đối chất ngày 08/12/2017 (BL 56, 57) và bản tự khai ngày 26/8/2017 (BL51), biên bản hỏi cung ngày 28/8/2017 (BL 60) bị cáo đều thừa nhận cho Vương Văn C2 và Nông Văn T4 sử dụng ma túy tại nhà bếp của bị cáo. Do đó bản án sơ thẩm đã tuyên bị cáo phạm tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy” là có căn cứ không oan. Về tình tiết định khung: quy định mà ám sơ thẩm đã áp dụng đối với bị cáo tại điểm b khoản 2 Điều 198 là “phạm tội nhiều lần” là chưa có đủ căn cứ, vì ngoài lời khai của các đối tượng ra không có tài liệu nào khác chứng minh là bị cáo đã cho Đinh Văn T3, Nông Văn T4, Vương Văn C2 sử dụng ma túy tại nhà bếp nhiều lần.

Về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm bị cáo khẳng định số ma túy bị thu giữ mục đích nhằm để bán cho đối tượng nghiện. Lời khai của bị cáo là phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Do đó hành vi tàng trữ cần được thu hút vào hành vi “Mua bán trái phép chất ma túy”

Với nhận định trên; Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự; sửa bản án hình sự sơ thẩm

số 03/2018/HS-ST ngày 23/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nông Văn T thừa nhận Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" là đúng người đúng tội, không oan. Tuy nhiên bị cáo cho rằng bản thân không được cho các đối tượng nghiện là Vương Văn C2, Nông Văn T4, Đinh Văn T3 sử dụng ma túy tại nhà bếp của mình. Về các lời khai tại cơ quan điều tra bị cáo thừa nhận đã cho các đối tượng trên sử dụng ma túy tại nhà bếp của mình, nay bị cáo cho rằng khi mới bị bắt lên đồn Biên phòng bị cán bộ Biên phòng đánh yêu cầu khai là có cho các đối tượng nghiện sử dụng ma túy tại nhà bếp thì mới không bị đánh, nên bị cáo đã khai như vậy. Còn về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" tại phiên tòa bị cáo cho rằng Nông Văn T4 là người cho Đinh Văn T3 mượn xe máy để đi mua ma túy cùng bị cáo và Nông Văn T4 chờ bị cáo ở nhà để lấy ma túy sử dụng nên số ma túy bị thu giữ là nhằm bán cho Nông Văn T4, nhưng đang trên đường về thì bị bắt. Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đúng người, đúng tội.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại phiên tòa bị cáo nại ra là do bị cán bộ Biên phòng đánh, bức cung nhưng bị cáo không đưa ra được căn cứ chứng minh. Quá trình điều tra bị cáo đã được đối chất với Nông Văn T4, tại biên bản đối chất ngày 08/12/2017 (BL 56, 57) và bản tự khai ngày 26/8/2017 (BL 51), biên bản hỏi cung ngày 28/8/2017 (BL 60) bị cáo đều thừa nhận đã bán ma túy cho Vương Văn C2 và Nông Văn T4 nhiều lần, ngoài ra còn cho Nông Văn T4 và Vương Văn C2 sử dụng ma túy tại nhà bếp của bị cáo 01 lần vào ngày 16/8/2017. Qua đối chất bị cáo không thừa nhận đã bán ma túy cho Đinh Văn T3 và không cho Đinh Văn T3 sử dụng ma túy tại nhà lần nào. Do đó bản án sơ thẩm đã tuyên bị cáo phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy" và tội "Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy" là có căn cứ đúng người, đúng tội không oan.

[3] Về tình tiết định khung tăng nặng; Bản án sơ thẩm đã áp dụng điểm b, d khoản 2 Điều 198 của Bộ luật Hình sự năm 1999 đối với bị cáo là chưa chính xác. Bởi qua các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và biên bản đối chất thì bị cáo chỉ thừa nhận được cho Nông Văn T4 và Vương Văn C2 sử dụng 01 lần tại nhà bếp vào ngày 16/8/2017, ngoài ra bị cáo không thừa nhận thêm lần nào khác. Cụ thể: tại biên bản đối chất ngày 08/12/2017 bị cáo thừa nhận: ... "*Lần 1 khoảng 20 giờ ngày 16/8/2017 bán cho T4 một gói với giá 100.000 đồng; sau đó T4 và C2 vào bếp tôi sử dụng*". Quá trình điều tra Nông Văn T4 thừa nhận trong thời gian tháng 8/2017 có được mua ma túy với Nông Văn T 02 lần, lần 1 khoảng 19 đến 20 giờ ngày 16/8/2017 Nông Văn T4 cùng Vương Văn C2 đi xe máy đến nhà Nông Văn T mua 01 gói ma túy với giá 100.000 đồng, sau khi mua được ma túy Nông Văn T4 cùng Vương Văn C2 đi vào nhà bếp của Nông Văn T sử dụng và được Nông Văn

T đồng ý. Lần thứ 2: Khoảng 21 giờ ngày 22/8/2017 Nông Văn T4 đi xe máy chở Vương Văn C2 đến nhà Nông Văn T mua 01 gói ma túy Heroin với giá 100.000 đồng, do Nông Văn T không có nhà nên đã đưa tiền cho vợ của Nông Văn T, lần này đem ra chỗ khác sử dụng (BL 82). Do đó có căn cứ áp dụng điểm d khoản 2 Điều 198 “Phạm tội đối với nhiều người” nhưng chưa đủ căn cứ áp dụng điểm b khoản 2 Điều 198 “phạm tội nhiều lần”.

[4] Đối với tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; Tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm bị cáo cho rằng số lượng ma túy bị bắt khi bị cáo đang vận chuyển trên đường là nhằm mang về bán lại cho Nông Văn T4 vì Nông Văn T4 cho bị cáo và Đinh Văn T3 mượn xe mô tô đi mua ma túy, Nông Văn T4 ngồi chờ bị cáo ở nhà để lấy ma túy sử dụng. Bị cáo khẳng định việc bán ma túy là nhằm mục đích kiếm lời phục vụ nhu cầu sử dụng ma túy của bản thân. Hội đồng xét xử thấy rằng; bị cáo là đối tượng nghiện ma túy, đã thường xuyên đi mua ma túy về để sử dụng và bán lại cho các đối tượng nghiện khác kiếm lời. Lời khai của bị cáo đã được chứng minh bằng lời khai của Nông Văn T4, Đinh Văn T3, Vương Văn C2. Việc bị cáo đang vận chuyển 0,145 gam Heroin với mục đích đem về bán nhưng chưa kịp bán đã bị bắt. Như vậy, bị cáo đã thực hiện các hành vi tàng trữ, vận chuyển 0,145 gam ma túy Heroine để nhằm bán kiếm lời. Thấy rằng các hành vi đó có liên quan chặt chẽ với nhau, hành vi tàng trữ, vận chuyển chỉ là tiền đề của hành vi mua bán. Căn cứ điểm b tiết 3.5 của Thông tư liên tịch số 17/2007/TTLT- BCA-VKSVDTC-TANDTC ngày 14/12/2007 hướng dẫn áp dụng một số quy định tại chương XVIII “Các tội phạm về ma túy” của Bộ luật Hình sự năm 1999 thì hành vi tàng trữ, vận chuyển đó được thu hút về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

[5] Về đánh giá chứng cứ: Hội đồng xét xử sơ thẩm khi xác định tội danh mà bị cáo thực hiện chỉ căn cứ vào lời khai duy nhất của bị cáo khi mới bị bắt bị cáo khai mục đích mua ma túy về sử dụng. Mặc dù sau đó bị cáo đã phủ nhận lời khai này và cho rằng ma túy bị thu giữ là nhằm bán kiếm lời quay vòng, để có tiền phục vụ cơn nghiện của bản thân. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của các đối tượng Nông Văn T4, Vương Văn C2, Đinh Văn T3. Về hành vi “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, ngoài lời khai của bị cáo, không có chứng cứ khách quan nào khác để chứng minh. Bản án sơ thẩm đã sử dụng lời khai nhận tội duy nhất của bị cáo để làm căn cứ buộc tội đối với bị cáo là trái với quy định tại khoản 2 Điều 98 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

[6] Xét nhân thân, tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ của bị cáo thấy rằng: Bị cáo không có tiền án, tiền sự, ngoài tình tiết tăng nặng định khung hình phạt bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào khác được quy định tại khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999 và khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

[7] Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo Nông Văn T phạm tội lần đầu khi bị bắt quả tang trên đường vận chuyển ma túy về bán bị cáo đã tự giác khai nhận toàn bộ hành vi “Mua bán trái phép chất ma túy” và hành vi “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy” của bản thân trước đó với cơ quan chức năng. Như vậy việc bị cáo tự khai ra các hành vi của bản thân khi chưa bị phát hiện cần được coi là tự thú

và thành khẩn khai báo theo quy định tại điểm o, p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 và điểm r, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự, Do đó có căn cứ áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 1999 và khoản 1, 2 Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo về tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy”. Việc ấn định mức phạt tù thấp hơn khung hình phạt quy định là sự thể hiện chính sách nhân đạo, khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội, tự thú, thành khẩn khai báo để bị cáo yên tâm cải tạo, sớm trở thành người có ích cho gia đình và xã hội.

[8] Từ những đánh giá, phân tích nêu trên Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị cáo. Lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa có căn cứ nên được chấp nhận.

[9] Về án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bị cáo Nông Văn T được Tòa án chấp nhận một phần nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[10] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về xử lý vật chứng, án phí sơ thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[11] Về áp dụng pháp luật: Hành vi phạm tội của bị cáo xảy ra ngày 24/8/2017. Tại thời điểm xét xử sơ thẩm (ngày 23/01/2018) Bộ luật Hình sự năm 2015 đã có hiệu lực, do đó cần áp dụng Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc hội về thi hành Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH 13 đã được sửa đổi bổ sung năm 2017. Áp dụng khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015 để giải quyết vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357; khoản 2 Điều 157 và khoản 1 Điều 359 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015;

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Nông Văn T; sửa một phần bản án hình sự sơ thẩm số 03/2018/HS-ST ngày 23 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn, cụ thể như sau:

1. Tuyên bố bị cáo Nông Văn T không phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Hủy và đình chỉ một phần bản án đối với hành vi “Tàng trữ trái phép chất ma túy”

2. Tuyên bố bị cáo Nông Văn T đã phạm các tội "Mua bán trái phép chất ma túy" và "Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy".

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 194, điểm d khoản 2 Điều 198 của Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm o, p khoản 1 Điều 46, Điều 47; điểm a khoản 1 Điều 50 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

- Xử phạt bị cáo Nông Văn T **07 (bảy) năm tù** về tội "**Mua bán trái phép chất ma túy**" và **05 (năm) năm tù** về tội "**Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma**

tuý". Tổng hợp hình phạt chung bị cáo Nông Văn T phải chịu **12 (mười hai)** năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt 24/8/2017.

3.Về án phí: Áp dụng điểm h khoản 2 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nông Văn T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về xử lý vật chứng, án phí sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (26/4/2018)./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Phòng PV27 CA tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- TAND huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn;
- CCTHADS huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn;
- Công an huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn;
- Bị cáo (qua Trại tạm giam);
- Lưu: Hồ sơ, Toà Hình sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Chu Thị Nguyễn Phìn